

Số: 164/BC-CTK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2023

Tình hình kinh tế - xã hội Thành phố quý I năm 2023 diễn ra trong bối cảnh phải đương đầu với những khó khăn nhiều hơn thuận lợi do triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới bị đe dọa bởi lạm phát, hệ thống tài chính toàn cầu suy yếu¹ trong khi xung đột quân sự Nga – Ukraine tiếp tục leo thang, chuỗi cung ứng nguyên liệu bị đứt gãy. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại cũng khiến tâm lý doanh nghiệp và niềm tin người tiêu dùng được cải thiện, giá lương thực và năng lượng giảm trở lại, song trong ngắn hạn sự cải thiện này vẫn còn mong manh². Trong nước, bên cạnh các chính sách hỗ trợ vay vốn, giảm thuế, giãn thuế của các Bộ ngành, Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, kiểm soát các hoạt động đầu cơ, phát hành trái phiếu.

Ước tính kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 3 và quý I năm 2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

1. Tốc độ tăng GRDP trên địa bàn Thành phố

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP quý I năm 2023 ước đạt 360.622,1 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt 246.931,2 tỷ đồng, tăng 0,70% so với cùng kỳ.

¹ Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất để chống lạm phát, đồng thời ngăn khủng hoảng ngân hàng khi trong vòng 05 ngày (từ 08/3 đến 15/3/2023) đã có 03 ngân hàng ở Mỹ đóng cửa là Silvergate Bank, Silicon Valley Bank (SVB), Signature Bank.

² Trong báo cáo mới nhất có tiêu đề "Sự phục hồi mong manh", OECD kỳ vọng nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 2,6% trong năm 2023, tăng 0,4 điểm phần trăm so với mức 2,2% trong dự báo trước đó công bố vào tháng 11/2022. Tuy nhiên, con số dự báo trên vẫn thấp hơn mức tăng 3,2% ghi nhận vào năm 2022.

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 01/2023, WB nhận định tăng trưởng toàn cầu dự kiến chỉ đạt 1,7% vào năm 2023. Con số này thấp hơn 1,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022, phản ánh chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát, điều kiện tài chính xấu đi và gián đoạn nguồn cung do tác động từ cuộc xung đột tại Ukraine.

- Khu vực nông lâm thủy sản tăng 2,06%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 3,60%, trong đó công nghiệp giảm 0,85%, xây dựng giảm 19,80%; khu vực thương mại dịch vụ tăng 2,07%; thuế sản phẩm tăng 1,14%.

- Có **4/9** ngành dịch vụ trọng yếu có mức tăng trưởng âm là: Vận tải kho bãi giảm 0,63%, thông tin và truyền thông giảm 2,70%, kinh doanh bất động sản giảm 16,20%, y tế và hoạt động cứu trợ xã hội giảm 4,82%. **5/9** ngành còn lại đều có mức tăng trưởng khá như: Bán buôn, bán lẻ tăng 3,81%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,53%; dịch vụ hoạt động chuyên môn KHCN tăng 6,68%; giáo dục và đào tạo tăng 7,01%; ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống có mức tăng cao nhất (+24,34%) so với cùng kỳ. Chín ngành dịch vụ chủ yếu chiếm 60,4% trong GRDP, chiếm 91,3% trong khu vực dịch vụ.

Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2023

	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá hiện hành)	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Tổng số	360.622,1	246.931,2	0,70
Chia theo khu vực			
- Nông lâm thủy sản	2.144,4	1.128,4	2,06
- Công nghiệp và xây dựng	72.762,3	52.037,7	(3,60)
+ Công nghiệp	62.904,9	45.760,4	(0,85)
+ Xây dựng	9.857,4	6.277,3	(19,80)
- Thương mại - Dịch vụ	238.317,1	160.881,8	2,07
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	47.398,3	32.883,3	1,14

Trong mức tăng trưởng chung 0,70% của nền kinh tế: Khu vực nông lâm thủy sản đóng góp 0,01 điểm phần trăm (tương đương 1,4%); khu vực công nghiệp và xây dựng làm giảm 0,79 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 1,33 điểm phần trăm; thuế sản phẩm đóng góp 0,15 điểm phần trăm.

Về cơ cấu kinh tế, xét theo giá hiện hành: Khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 20,1%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 66,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 13,1%.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học. Xu hướng tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

2.1. Nông nghiệp

2.1.1. Trồng trọt

Vụ Đông Xuân

Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 10.859,0 ha, giảm 2,0% so với cùng kỳ, trong đó giảm chủ yếu diện tích gieo trồng lúa, ngô, mía, rau tại huyện Củ Chi, Hóc Môn và quận Bình Tân do quá trình đô thị hóa.

Diện tích gieo cấy lúa đạt 4.243,0 ha, giảm 4% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng ngô đạt 209,0 ha, giảm 4,7%; sản lượng sơ bộ đạt 869,0 tấn, giảm 1,2%.

Diện tích trồng sản mỳ đạt 87,2 ha, tăng 4,2%.

Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại ước đạt 2.394,5 ha, tăng 0,4% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 84.356,7 tấn, tăng 5,1%.

Tình hình sinh vật gây hại:

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.336,6 ha, tăng 11,2% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau 604,2 ha, giảm 13,7%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu cuốn lá nhỏ, chuột và ốc bươu vàng.

2.1.2. Chăn nuôi

Tháng 3/2023, Thành phố tiếp tục ghi nhận sự duy trì ổn định về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Tổng đàn trâu, bò, lợn và gia cầm có sự ổn định. Cụ thể:

- Đàn trâu ước tính có 3.104 con, bằng 80,1% so với cùng kỳ.
- Đàn bò ước tính có 100.522 con, giảm 4,8%, trong đó đàn bò sữa có 75.126 con, giảm 0,4 %.
- Đàn lợn thịt ước tính có 171.126 con, tăng 2,1%.
- Đàn gia cầm có 368,0 nghìn con, tăng 0,3%, trong đó đàn gà có 351,0 nghìn con, chiếm 95,4% tổng đàn gia cầm.

Tính chung quý I năm 2023, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 142 tấn, giảm 5,3% so với cùng kỳ; thịt bò 2.622 tấn, giảm 3,5%; thịt lợn 164.156 tấn, tăng 6,3%; thịt gia cầm 501 tấn, tăng 3,7%; trứng gia cầm 1.247 nghìn quả, tăng 0,7%.

2.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện nay khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản tại Thành phố hiện nay còn rất ít, chủ yếu là củi tận thu từ rừng phòng hộ và sản lượng gỗ chủ yếu từ một số hộ dân trồng tràm tại huyện Bình Chánh.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp

2.3. Thủy sản

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng thủy sản ước thực hiện 14.324,5 tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 4.125,5 tấn, đạt 100%; sản lượng tôm ước đạt 3.221,0 tấn, tăng 0,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 6.978,0 tấn, tăng 5,1%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

– Sản lượng thủy sản khai thác lũy kế 3 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 3.564,0 tấn, giảm 4,9% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.960,0 tấn, giảm 0,9%; sản lượng tôm ước đạt 568,0 tấn, giảm 12,9%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 1.036,0 tấn, giảm 7,4%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng lũy kế 3 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10.760,5 tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.165,5 tấn, tăng 0,9%; sản lượng tôm ước đạt 2.653,0 tấn, tăng 4,2%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 5.942 tấn, tăng 7,7%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 15/3/2023)

Tôm sú: Hiện có 247 lượt hộ thả nuôi với 43,3 triệu con giống trên diện tích 3.249,7 ha. Diện tích thả nuôi tăng 0,8% so với cùng kỳ, số lượng con giống tăng 70,5%.

Tôm thẻ chân trắng: Có 406 lượt hộ thả nuôi với 149,1 triệu con giống trên diện tích 316,2 ha. Diện tích thả nuôi giảm 3,6% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 6,5%.

Trong tháng đã có 04 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 6,3 ha, số lượng con giống thiệt hại là 2,6 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 1.896 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

3. Sản xuất công nghiệp

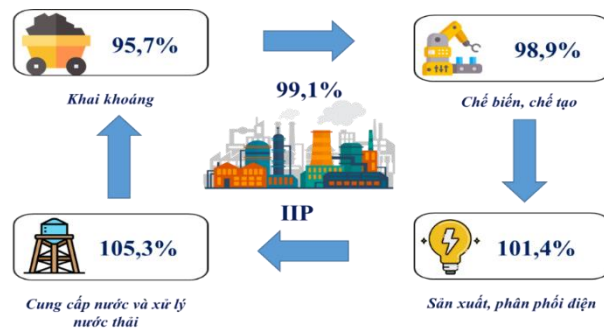
Tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 3 năm 2023 có khởi sắc hơn so với 02 tháng trước nhưng doanh nghiệp vẫn phải đối diện nhiều khó khăn khi thiếu đơn hàng sản xuất, công nhân thiếu việc làm, áp lực trả lãi vay ngân hàng.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 3 năm 2023 ước tính tăng 4,8% so với tháng trước và tăng 2,3% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp

khai khoáng tăng 0,2% so với tháng trước và giảm 25,3% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,0% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 4,4% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 7,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố giảm 0,9% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 1,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 5,3%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 3 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 15/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 3 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất đồ uống tăng 53,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 46,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 20,5%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 25,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 22,1%; sản xuất trang phục giảm 21,9%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 20,4%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 19,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 3 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	100,0	104,2	100,4	99,1
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	235,6	27,6	418,8	95,7
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	99,2	105,3	99,4	98,9
3. SX và phân phối điện	105,5	97,6	103,9	101,4
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	103,0	99,5	100,8	105,3
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	97,8	104,8	104,6	98,3
2. Sản xuất đồ uống	87,5	112,3	95,9	153,7
3. Sản xuất trang phục	94,1	78,2	111,3	78,1
4. Sản xuất da và SP liên quan	99,2	87,0	93,6	80,6

Đơn vị tính: %

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
5. SX hóa chất và SP hóa chất	117,8	101,8	106,2	100,3
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	96,0	101,5	133,4	146,8
7. SP từ khoáng kim loại	92,0	109,1	105,6	74,7
8. Sản xuất SP điện tử	115,8	124,5	85,1	85,6
9. Sản xuất thiết bị điện	94,5	123,3	103,6	98,9
10. Sản xuất xe có động cơ	109,9	102,7	101,4	112,8

Đối với 04 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 3 tháng đầu năm 2023 tăng 8,2% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành hóa dược tăng 22,9%; ngành lương thực thực phẩm và đồ uống tăng 18,5%, ngành cơ khí giảm 6,5%; ngành sản xuất hàng điện tử giảm 14,4%.

Đối với 03 ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 3 tháng đầu năm 2023 giảm 18,1% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt giảm 2,8%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 19,4%; sản xuất trang phục giảm 21,9%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 3 tháng đầu năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 62,8%; bia chai, lon tăng 54,5%; sữa hoặc kem đặc có hoặc không có đường tăng 33,8%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Xi măng giảm 33,4%; quần áo các loại trừ quần áo thể thao giảm 22,2%; phân khoáng hoặc phân hóa học giảm 21,4%; sắt, thép các loại giảm 20,8%; giày dép thể thao giảm 20,3%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3 năm 2023 ước tính tăng 5,9% so với tháng trước và giảm 10,4% so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp giảm 6,4% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 62,3%; sản xuất đồ uống tăng 50,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 30,0%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 15,1%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 38,9%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 38,5%; sản xuất xe có động cơ giảm 38,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 32,8%; sản xuất kim loại giảm 30,3%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 3 năm 2023 ước tính tăng 4,0% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 75,4%; sản xuất trang phục tăng 40,6%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 37,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 37,2%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 33,9%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất da và các

sản phẩm có liên quan giảm 56,8%; sản xuất kim loại giảm 40,7%; sản xuất thiết bị điện giảm 32,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 32,6%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 3 năm 2023 không tăng so với tháng trước và giảm 2,0% so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, chỉ số lao động giảm 1,6% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất đồ uống tăng 39,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 24,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 21,0%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 15,5%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Thoát nước và xử lý nước thải giảm 23,9%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 14,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 13,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại giảm 10,4%.

Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy: Khi đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2023 so với quý IV/2022, có **18,6%** doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên, 36,1% giữ ổn định và 45,3% khó khăn hơn. Trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước lạc quan nhất với 64,1% doanh nghiệp cho rằng tốt lên và giữ ổn định. Tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài nhà nước lần lượt là 55,1% và 53,3%.

Dự báo tình hình quý II/2023 so với quý I/2023, có **37,4%** doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, 36,3% giữ ổn định và 26,3% khó khăn hơn. Trong đó, có 82,1% doanh nghiệp nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình kinh doanh trong quý II/2023. Tỷ lệ này ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài nhà nước là 77,5% và 70,9% tương ứng.

4. Hoạt động doanh nghiệp

4.1 Đăng ký thành lập doanh nghiệp trong nước

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/3/2023, Thành phố đã cấp phép 9.788 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 88.856,2 tỷ đồng, tăng 7,0% về giấy phép và giảm 39,1% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 7.254 doanh nghiệp thành lập, tăng 8,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 61.304 tỷ đồng, giảm 41,3%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 8.897 đơn vị, tăng 12,1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 71.096 tỷ đồng, tăng 1,0% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 767 đơn vị, giảm 31,9%; vốn đăng ký 17.685 tỷ đồng, giảm 76,6%. Doanh nghiệp tư nhân 123 đơn vị, tăng 48,2%; vốn đăng ký 70 tỷ đồng, tăng 55,9%.

Phân theo loại hình kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 29 đơn vị với vốn đăng ký đạt 471 tỷ đồng, tăng 3,6% về cấp phép và tăng 115,7% về vốn so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 1.805 doanh nghiệp, giảm 4,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 24.044,1 tỷ đồng, giảm 38,3%. Trong đó, ngành xây dựng có 819 doanh nghiệp, giảm 1,0%, vốn đạt 18.266 tỷ đồng, tăng 128,4%; nhóm ngành công nghiệp có 986 đơn vị với số vốn đăng ký đạt 5.778,0 tỷ đồng, giảm 81,4% về vốn.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 7.954 doanh nghiệp, tăng 10,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 64.341,0 tỷ đồng, giảm 39,7%. Trong đó, thương nghiệp có 4.152 đơn vị với vốn đăng ký đạt 35.231,2 tỷ đồng, giảm 13,9% về vốn; vận tải kho bãi có 429 đơn vị với vốn đăng ký đạt 4.938,1 tỷ đồng, tăng 95,2%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 475 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.757,6 tỷ đồng, giảm 41,0%; kinh doanh bất động sản có 280 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 6.472,6 tỷ đồng, giảm 82,8%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 1.015 doanh nghiệp với vốn đăng ký 5.861,9 tỷ đồng, tăng 31,4%.

4.2 Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/3/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố là 497,5 triệu USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ, trong đó:

- **Cấp mới** có 216 dự án với vốn đăng ký đạt 133,2 triệu USD, tăng 30,0% về vốn so với cùng kỳ. Xét về vốn đăng ký cấp mới, hoạt động xây dựng có 03 dự án, vốn đăng ký là 53,7 triệu USD, chiếm 40,4% vốn đăng ký cấp mới; kế đến hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 86 dự án, vốn đăng ký là 53,6 triệu USD, chiếm 40,2%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 54 dự án, vốn đăng ký 10,4 triệu USD, chiếm 7,8%; hoạt động thông tin truyền thông có 37 dự án, vốn đăng ký là 6,8 triệu USD, chiếm 5,1 %. Singapore là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 47 dự án, vốn đăng ký đạt 86,7 triệu USD, chiếm đến 65,4% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hồng Kông với 15 dự án, vốn đăng ký 9,5 triệu USD, chiếm 7,1%; Nhật Bản với 19 dự án, vốn đăng ký đạt 9,0 triệu USD, chiếm 6,7%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 37 lượt dự án với số vốn tăng 87,1 triệu USD. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến có 03 dự án, vốn đăng ký 27,5 triệu USD chiếm 31,5% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động thông tin và truyền thông có 15 dự án, vốn đăng ký 26,9 triệu USD chiếm 30,9%; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy có 07 dự án, vốn đăng ký 23,1 triệu USD, chiếm

26,5%. Hàn Quốc là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 03 tháng đầu năm 2023 đạt 35,5 triệu USD, chiếm 40,8% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 468 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 277,3 triệu USD, giảm 5,9% so với góp vốn cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 157,2 triệu USD, chiếm 56,7% tổng vốn góp; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với vốn góp là 44,6 triệu USD, chiếm 16,1%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo vốn góp đạt 43,7 triệu USD, chiếm 15,8%. Singapore và Hàn Quốc là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 61,8% và 13,7%.

Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 20/03/2023, trên địa bàn Thành phố có 11.598 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 56,4 tỷ USD. Thành phố dẫn đầu so với cả nước về số dự án còn hiệu lực và tổng vốn đầu tư đăng ký lần lượt chiếm 31,4% và 12,7%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố

(từ ngày 01/01/2023 đến 20/3/2023)

	Năm 2023		% so với cùng kỳ năm 2022	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		497,5		122,4
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	216	133,2	170,0	130,0
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	37	87,1	123,3	926,1
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	468	277,3	92,9	94,1

5. Thương mại, dịch vụ và vận tải

5.1. Thương mại, dịch vụ

Tuy các doanh nghiệp có nhiều chương trình giảm giá, kích cầu nhưng mức tăng trưởng của hoạt động thương mại, dịch vụ còn chậm do lượng khách quốc tế đến Thành phố không nhiều, hoạt động bất động sản, ăn uống, vui chơi giải trí chưa phục hồi mạnh như trước đại dịch.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 năm 2023 ước đạt 85.714 tỷ đồng, giảm 2,3% so với tháng trước (doanh thu thương mại giảm 2,0%; dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 8%; dịch vụ du lịch lữ hành tăng 19,3%; dịch vụ khác giảm 6,3%). Như vậy đã có 3 tháng liên tiếp chỉ tiêu này giảm so với tháng trước, chủ yếu do tác động của dịch vụ khác giảm (bất động

sản, vui chơi giải trí). **So với tháng 3/2022 giảm 0,2%, lũy kế 3 tháng tăng 4,7% so với cùng kỳ.**

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3 ước đạt 52.838 tỷ đồng, chiếm 61,6% trong tổng mức, giảm 2,0% so với tháng trước. Diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

Nhóm lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất 21,7%, tăng 5,6%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 11,5%, tăng 0,9%; nhóm hàng may mặc chiếm 6,8%, tăng 4,5%; xăng dầu chiếm tỷ trọng 11,4%, tăng 10,1%. Như vậy tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu vẫn duy trì tăng khá đều. Chỉ có 02 nhóm hàng giảm so tháng trước là nhóm hàng vật phẩm văn hóa giáo dục và nhóm hàng hóa khác mà chủ yếu là các mặt hàng điện thoại, máy tính bảng....

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng</i>					
	Ước tính tháng 3 năm 2023	Cộng đồn 3 tháng năm 2023	Tháng 3 năm 2023 so với tháng trước (%)	Tháng 3 năm 2023 so với cùng kỳ (%)	3 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	85.714	263.981	97,7	99,8	104,7
Doanh thu bán lẻ hàng hoá	52.838	163.606	98,0	105,7	109,1
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	7.981	23.238	108,0	127,3	137,2
Dịch vụ lưu hành	728	2.223	119,3	194,1	184,5
Dịch vụ khác	24.167	74.913	93,7	82,5	89,1

So với tháng cùng kỳ, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 5,7%, trong đó lương thực thực phẩm tăng 34,3%; hàng may mặc tăng 11,2%, ô tô tăng 37,3%; phương tiện đi lại khác tăng 22%; xăng dầu tăng 9,1%.

Cộng dồn 3 tháng đầu năm doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 163.606 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Trong đó, lương thực thực phẩm tăng 25,5%, ô tô tăng 32,4%, xăng dầu tăng 13,8%.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 3 ước đạt 7.981 tỷ đồng, chiếm 9,3% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 8% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống tăng 8,2%, doanh thu lưu trú tăng 5,8% so với tháng trước. **So với cùng kỳ**, doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 27,3%, trong đó dịch vụ lưu trú tăng 61,1%; dịch vụ ăn uống tăng 24,2%. **Cộng dồn 3**

tháng đầu năm 2023 doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 37,2% so với cùng kỳ, trong đó: dịch vụ ăn uống tăng 37,5%, dịch vụ lưu trú tăng 34,2%

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 3 ước đạt 728 tỷ đồng, tăng 19,3% so với tháng trước, tăng 94,1% so với cùng kỳ. **Cộng dồn 3 tháng** tăng 84,5% so với cùng kỳ. Do doanh thu lĩnh vực này chỉ chiếm khoảng 1% nên ảnh hưởng không đáng kể lên tổng mức chung.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 3 ước đạt 24.167 tỷ đồng, giảm 6,3% so với tháng trước chủ yếu do 2 hoạt động kinh doanh bất động sản và vui chơi giải trí giảm mạnh tương ứng -13,1% và -9,1%. **So với cùng kỳ** giảm 17,5% trong đó ngành kinh doanh bất động sản giảm 17,8%. **Cộng dồn 3 tháng** ước đạt 74.913 tỷ đồng, giảm 10,9% so với cùng kỳ, trong đó kinh doanh bất động sản giảm 10,1%, hoạt động vui chơi giải trí giảm 15,6%.

5.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

5.2.1. Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 3 ước đạt 22.836 tỷ đồng, tăng 6,0% so với tháng trước và giảm 6,9% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2023, tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải ước đạt 64.913 tỷ đồng, giảm 9,4% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách so với cùng kỳ đều tăng, nhưng dịch hoạt động hỗ trợ vận tải giảm. Nguyên nhân do lĩnh vực logistics đang phải đối mặt với khó khăn, ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế toàn cầu từ cuối năm 2022 cho đến hiện tại, giá cước vận tải giảm, các doanh nghiệp lớn giảm đơn hàng, phải cắt giảm nhân sự để duy trì hoạt động...

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách quý I năm 2023

	Doanh thu quý I (tỷ đồng)		So với cùng kỳ (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	19.272	5.799	102,8	186,4
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.025	244	126,6	137,0
Kinh tế ngoài nhà nước	14.970	4.192	98,7	169,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	277	1.363	68,9	297,7
<i>Phân theo ngành vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	11.337	3.599	87,1	153,9
Đường sắt	75	217	78,4	129,0

	Doanh thu quý I (tỷ đồng)		So với cùng kỳ (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Đường sông	2.134	720	167,2	301,7
Đường biển	5.717	40	131,3	-
Đường hàng không	9	1.224	90,7	334,7

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu quý I ước đạt 19.272 tỷ đồng, tăng 2,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 20,9%, tăng 26,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,7%, giảm 1,3%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%, giảm 31,1% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 58,8%, giảm 12,9% so với cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 11,1%, tăng 67,2%; vận tải đường biển chiếm 29,75%, tăng 31,3%.

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu quý I ước đạt 5.799 tỷ đồng, tăng 86,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 4,2%, tăng 37,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 72,3%, tăng 69,4%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 23,5%, tăng 197,7% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,1%, tăng 53,9% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 3,7%, tăng 29,1%; đường sông chiếm 12,4%, tăng 201,8%; đường hàng không chiếm 21,1%, tăng 234,6% so với cùng kỳ.

– **Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải:** Doanh thu quý I ước đạt 39.842 tỷ đồng, giảm 20,0% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 38.188 tỷ đồng, giảm 20,9%; bưu chính và chuyển phát đạt 1.654 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

5.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

– **Sản lượng vận tải hàng hóa:** Tháng 3 ước đạt 17.640 nghìn tấn, tăng 4,1% so với tháng trước, giảm 1,6% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 3 tháng đầu năm ước đạt 49.495 nghìn tấn, giảm 3,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 22,5%, tăng 35,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 76,1%, giảm 10,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 1,4%, giảm 32,0%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 57,1%, giảm 20,3%; vận tải đường sông chiếm 25,0%, tăng 54,6%; vận tải đường biển chiếm 17,7%, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

– **Sản lượng vận tải hành khách:** Tháng 3 ước đạt 44.040 nghìn hành khách, tăng 5,1% so với tháng trước, giảm 5,7% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 3 tháng đầu năm ước đạt 133.788 nghìn hành khách, tăng 27,8% so với cùng kỳ.

Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 0,3%, giảm 14,4%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 94,7%, tăng 26,7%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 4,7%, tăng 58,9%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 92,5%, tăng 24,3%; vận tải đường sông chiếm 6,4%, tăng 90,3%; vận tải đường sắt chiếm 0,4%, tăng 101,4% và vận tải hàng không chiếm 0,7%, tăng 156,4%.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng và chứng khoán

1.1. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

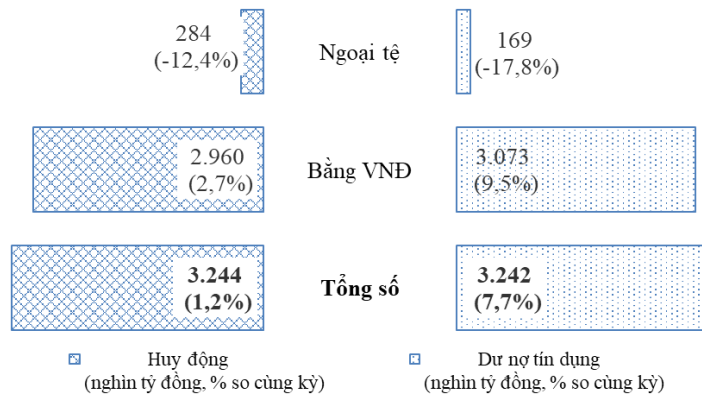
Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố được điều hành theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cuối tháng 02/2023, các ngân hàng thương mại đã điều chỉnh mặt bằng lãi suất huy động so với cuối năm 2022, trong đó lãi suất giảm 0,01%-0,08%/năm đối với kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 0,1%-0,93%/năm đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Đến đầu tháng 3/2023, các ngân hàng thương mại đã đạt được sự đồng thuận điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay, trong đó Ngân hàng Thương mại Nhà nước sẽ giảm 0,2%/năm và ngân hàng thương mại cổ phần giảm 0,5%/năm. Ước tính đến 31/3/2023, tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng 1,2% và dư nợ tín dụng tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/3/2023 đạt 3.244 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 1,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 2.960 nghìn tỷ đồng, chiếm 91,2% tổng vốn huy động, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 2,7% so với cùng kỳ.

- Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 284 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,8% tổng vốn huy động, tăng 0,2% so với tháng trước và giảm 12,4% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(ước tính đến 31/3/2023)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/3/2023 đạt 3.242 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.073 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,8% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ.
- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 169 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,2%, tăng 1,3% so với tháng trước và giảm 17,8% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.471 nghìn tỷ đồng, chiếm 45,4% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 7,5% so với cùng kỳ.
- Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.771 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,6% tổng dư nợ, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ.

1.2. Thị trường chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước tháng 02/2023 tăng 77,2% so với tháng trước, khối lượng giao dịch tăng 22,4% và tăng 18,8% về giá trị. Nhìn chung VN-Index trong tháng 02 năm 2023 có xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng, VN-Index đạt 1.024,68 điểm, tăng 10,7% so với 30/12/2022.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/02/2023, đã có 459 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 322 mã cổ phiếu, 11 mã chứng chỉ quỹ, 125 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 06 mã cổ phiếu và giảm 05 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng 02/2023, có 03 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose gồm 02 mã cổ phiếu và 01 mã trái phiếu. Riêng từ đầu tháng 03/2023 đến ngày 13/3/2023 đã có 32 mã chứng khoán hủy niêm yết gồm 02 mã cổ phiếu, 04 mã trái phiếu và 26 mã chứng quyền.

Trong tháng 02 năm 2023 có 20 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 11.928,8 triệu chứng khoán với giá trị đạt 202.562,6 tỷ đồng. Tổng giao dịch tăng 22,4% về khối lượng và tăng 18,8% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 88,8% về khối lượng và chiếm 84,8% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 596,4 triệu chứng khoán với 10.128,1 tỷ đồng được giao dịch, giảm 2,1% về khối lượng và giảm 5,0% về giá trị so với tháng trước.

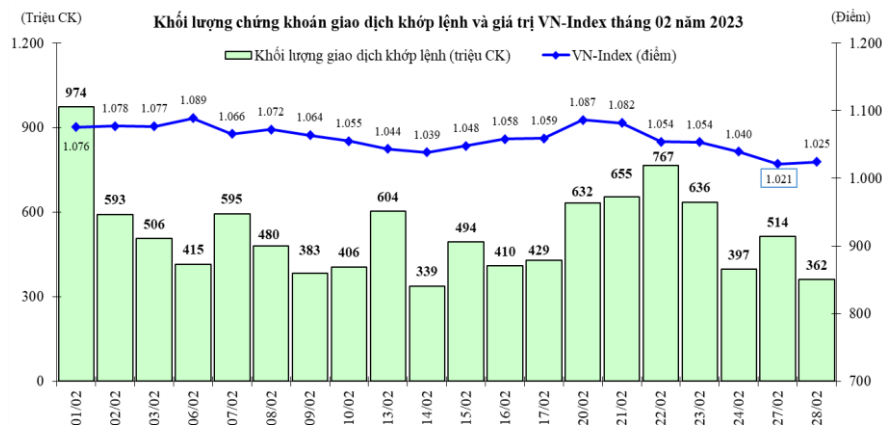
Lũy kế 02 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 21.672,9 triệu chứng khoán với 373.091,1 tỷ đồng, giảm 25,2% về khối lượng và giảm 65,4% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 88,0% về khối lượng và chiếm 84,5% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 602,0 triệu chứng khoán với 10.363,6 tỷ đồng được giao dịch, giảm 27,3% về khối lượng và giảm 66,4% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2023 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 02/2023	Lũy kế 02 tháng 2023	Tháng 02/2023 so với tháng 01/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	11.928,8	21.672,9	122,4	74,8
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	9.572,3	17.167,1	126,0	69,9
- Trái phiếu	1,5	3,6	71,4	15,5
- Chứng chỉ quỹ & ETF	119,6	245,3	95,1	141,1
- Chứng quyền	2.235,4	4.256,9	110,6	100,9
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	10.590,9	19.075,0	124,8	69,0
- Giao dịch thỏa thuận	1.337,9	2.597,9	106,2	193,0
B. Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	202.562,6	373.091,1	118,8	34,6
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	162.832,2	295.822,3	122,4	33,9
- Trái phiếu	5,7	13,5	73,1	5,1
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.143,9	4.607,0	87,0	101,0
- Chứng quyền	37.580,8	72.648,3	107,2	36,0
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	171.821,0	315.380,3	119,7	37,6
- Giao dịch thỏa thuận	30.741,6	57.710,8	114,0	24,0

Chỉ số VN-Index tháng 02 năm 2023, với 20 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 8 phiên tăng điểm và 12 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 02 năm 2023, VN-Index giảm về mức 1.075,97 điểm, giảm 3,2% (tương ứng giảm 35,21 điểm) so với phiên giao dịch trước và tăng 6,8% (tương ứng tăng 68,88 điểm) so với 30/12/2022.



Nhìn chung thị trường chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 02 năm 2023 có xu hướng giảm và VN-Index đạt giá trị thấp nhất kể từ đầu năm 2023 khi xuống mức 1.021,25 điểm. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 02 năm 2023, VN-Index đạt 1.024,68 điểm, giảm 4,8% (tương ứng giảm 51,29 điểm) so đầu tháng và tăng 1,7% (tương ứng tăng 17,59 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.086.248 tỷ đồng, gấp 2,7 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.

Cập nhật phiên giao dịch ngày 20/3/2023 có 460 mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 325 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 122 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.023,10 điểm, tăng 1,6% (tương ứng tăng 16,01 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.080.596 tỷ đồng.

2. Đầu tư và Xây dựng

2.1. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn thành phố quý I năm 2023 ước thực hiện 69.679,7 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Phân theo nguồn vốn: Vốn nhà nước ước đạt 12.884,2 tỷ đồng, giảm 3,3% so với cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước ước đạt 48.942,5 tỷ đồng, tăng 4,5%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7.853,0 tỷ đồng, tăng 19,4%.

- Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 41.889,8 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 19.652,7 tỷ đồng, tăng 4,0%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 3.964,4 tỷ đồng, tăng 8,9%; bổ sung vốn lưu động ước đạt 3.447,3 tỷ đồng, tăng 11,8%; vốn đầu tư khác ước đạt 725,7 tỷ đồng tăng 8,2%.

Vốn đầu tư của Doanh nghiệp Nhà nước ước thực hiện quý I/2023 đạt 12.884,2 tỷ đồng, bằng 96,7% so với cùng kỳ và chiếm 18,5% trong tổng vốn đầu tư thực hiện toàn Thành phố. Nguồn vốn tập trung vào đầu tư hạ tầng điện và nước của Thành phố, do Tổng công ty Điện lực Thành phố, Tổng công ty Điện lực Miền Nam, Tổng công ty cấp nước Sài Gòn đảm nhận.

Vốn đầu tư của Doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước thực hiện 48.942,5 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ và chiếm 70,2% trong tổng vốn đầu tư thực hiện toàn Thành phố. Nguồn vốn này tập trung vào các ngành nhà hàng, thương mại, các dịch vụ giải trí khác.

Vốn đầu tư của Doanh nghiệp FDI ước thực hiện quý I/2023 đạt 7.853,0 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ và chiếm 11,3% trong tổng vốn đầu tư thực hiện toàn Thành phố. Nguồn vốn này tập trung tăng cao ở một số ngành như: kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, y tế.

Tình hình thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội quý I năm 2023

	Thực hiện quý IV/2022 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022 (Tỷ đồng)	Dự tính quý I/2023 (Tỷ đồng)	Quý I/2023 so với cùng kỳ (%)	Tỷ trọng nguồn vốn (%)
TỔNG SỐ	105.331,0	333.601,6	69.679,7	104,4	100,0
NGUỒN VỐN					
Vốn nhà nước trên địa bàn	22.736,6	70.047,1	12.884,2	96,7	18,5
Vốn ngoài nhà nước	72.155,3	230.523,7	48.942,5	104,5	70,2
Vốn trực tiếp nước ngoài	10.439,1	33.030,9	7.853,0	119,4	11,3
KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ					
Vốn đầu tư XD cơ bản	63.722,1	201.838,1	41.889,8	103,6	60,1
Vốn đầu tư mua sắm TSCĐ	29.870,3	94.604,5	19.652,7	104,0	28,2
VĐT sửa chữa lớn	5.753,4	18.212,6	3.964,4	108,9	5,7
Vốn lưu động	4.914,2	15.564,1	3.447,3	111,8	5,0
Vốn đầu tư khác	1.070,9	3.382,3	725,7	108,2	1,0

*** Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước**

Với việc xác định năm 2023 là trọng điểm của kế hoạch đầu tư công trung dài hạn giai đoạn 2021-2025, ngay từ những tháng đầu năm Lãnh đạo Thành phố yêu cầu các đơn vị liên quan phải xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên, khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của các dự án³.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách thành phố tháng 3 ước thực hiện 2.125,9 tỷ đồng, tăng 36,9% so với tháng trước và tăng 1,2% so với tháng cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2023, ước thực hiện 5.185,2 tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ.

2.2. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Trung ương đã giao Thành phố thực hiện 06 đề án lớn: Xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế; xây dựng cơ chế và hình thành trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng Thành phố trở thành trung tâm kết nối sân giao dịch công nghệ; xây dựng cảng trung chuyển container tại Cần Giờ; hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc theo vành đai 3 và 4, kết hợp xây dựng các tuyến cao tốc giữa TPHCM với

³ Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước Thành phố, đến 24 tháng 3 năm 2023, tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Thành phố đã giải ngân là 951,515 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 2,2% tổng số vốn giao (43.443,336 tỷ đồng)

Mộc Bài (Tây Ninh), Chơn Thành, Long Thành (mở rộng), Trung Lương - Mỹ Thuận (mở rộng) và phát triển chuỗi công nghiệp, đô thị Mộc Bài - TPHCM - Cái Mép.

Dự án xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước Thành phố:

UBND Thành phố giao kế hoạch đợt 1 là 926,1 tỷ đồng, ước thực hiện hết quý I/2023 là 335,8 tỷ đồng, đạt 36,5% kế hoạch.

Dự án vệ sinh môi trường Thành phố - giai đoạn 2:

UBND Thành phố giao kế hoạch đợt 1 là 350 tỷ đồng, ước thực hiện hết quý I/2023 là 45 tỷ đồng, đạt 12,9% kế hoạch giao.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên):

Dự án Metro số 1 đang hoàn thiện kiến trúc, lắp đặt thiết bị giám sát, vận hành hiện đại. Tiến độ thi công toàn dự án đạt gần 94%, trong đó nhiều hạng mục đã hoàn thành từ 98 đến 100% khối lượng thi công. Đoạn từ ga Bình Thái - Bến Thành dự kiến hoàn thành thử nghiệm trong quý II/2023 để tiến tới hoàn thành thử nghiệm toàn tuyến, khai thác thử trong quý III/2023. Cùng với hoạt động chạy thử nghiệm, các hạng mục, phần việc khác cũng đang được gấp rút, đẩy nhanh tiến độ thi công cao nhất, các tổ, nhóm kỹ sư công nhân được chia 3 ca trong ngày, thi đua đợt kích lập thành tích về tiến độ, chất lượng.

Dự án tuyến đường sắt đô thị số 2 Bến Thành - Tham Lương: Thành phố đã cơ bản hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán bồi thường và đang tiến hành đấu thầu xây lắp di dời công trình điện; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024 để sẵn sàng bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu chính (thi công đoạn đi ngầm, trên cao) vào năm 2025. Hiện nay, tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng còn chậm, chưa hoàn thành việc giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh: Để đẩy nhanh tiến độ dự án, Thành phố yêu cầu Sở, ban, ngành, quận, huyện khẩn trương, tập trung trong công tác phối hợp, tham gia ý kiến góp ý đối với lĩnh vực phụ trách. Thành phố chuẩn bị thành lập tổ công tác chuyên trách về mỏ vật liệu xây dựng để rà soát số lượng, trữ lượng mỏ vật liệu xây dựng cùng phương án khai thác mỏ đảm bảo nguồn cung vật liệu để khởi công dự án đường vành đai 3 vào tháng 6 năm 2023.

2.3. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 02/2023, toàn Thành phố đã cấp 2.733 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 với diện tích sàn 518,4 nghìn m², giảm 3,8% về giấy phép so với cùng kỳ và giảm 18,5% về diện tích.

Trong đó, cấp xây dựng mới 2.495 giấy phép với diện tích 496,7 nghìn m², giảm 8,0% về giấy phép so với cùng kỳ và giảm 20,5% về diện tích; cấp cho sửa

chứa lớn nhà 238 giấy phép với diện tích 21,7 nghìn m², tăng 84,5% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 90,6% về diện tích.

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tình hình xuất, nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn Thành phố gặp khó khăn dẫn đến nguồn thu từ khu vực xuất, nhập khẩu giảm 11,1% đã ảnh hưởng đến thu ngân sách. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố giảm 1,5% so với cùng kỳ và chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) giảm 8,5%.

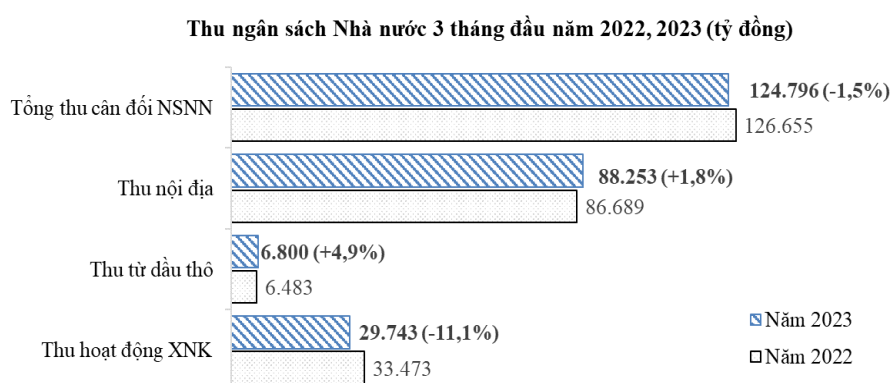
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 3 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 124.796 tỷ đồng, đạt 26,6% dự toán và giảm 1,5% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Thu nội địa ước thực hiện 88.253 tỷ đồng, đạt 28,7% dự toán, chiếm 70,7% tổng thu cân đối và tăng 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 8.877 tỷ đồng, đạt 28,5% dự toán, chiếm 7,1% tổng thu và tăng 13,2%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 31.067 tỷ đồng, đạt 35,7% dự toán, chiếm 24,9% tổng thu và tăng 26,6%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 20.958 tỷ đồng, đạt 35,7% dự toán, chiếm 16,8% tổng thu và tăng 10,2% so với cùng kỳ.

- Thu dầu thô ước thực hiện 6.800 tỷ đồng, đạt 42,5% dự toán, chiếm 5,5% tổng thu cân đối và tăng 4,9%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 29.743 tỷ đồng, đạt 20,4% dự toán, chiếm 23,8% tổng thu cân đối và giảm 11,1%.

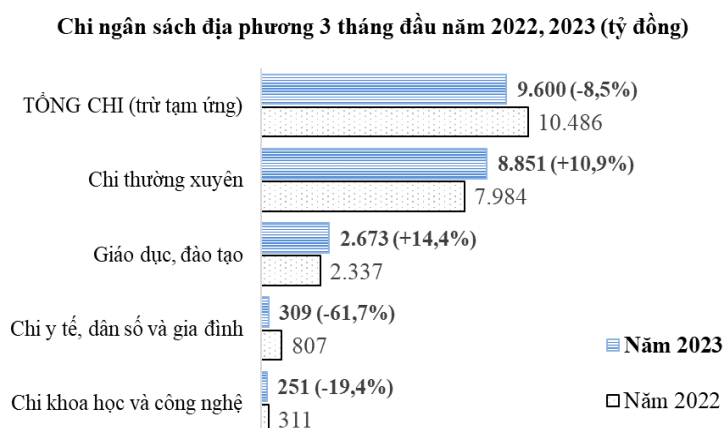
Thu cân đối ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2023, ước thực hiện 38.069 tỷ đồng, đạt 32,5% dự toán, chiếm 30,5% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 10,3% so với cùng kỳ.



Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 3 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 9.600 tỷ đồng, đạt 7,6% dự toán và giảm 8,5% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 9.447 tỷ đồng, đạt 8,5% dự toán và giảm 5,6% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 487 tỷ đồng, đạt 1,1% dự toán, bằng 24,5% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 8.851 tỷ đồng, đạt 14,7% dự toán và tăng 10,9% so với cùng kỳ. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 2.673 tỷ đồng, đạt 12,7% dự toán và tăng 14,4%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 309 tỷ đồng, đạt 4,9% dự toán và giảm 61,7%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 251 tỷ đồng, đạt 26,1% dự toán và giảm 19,4%.



4. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2023 tăng nhẹ ở mức 0,04% so với tháng trước (tháng 02 tăng 0,33%; tháng 01 tăng 0,38%), với **4/11** nhóm hàng tăng giá gồm: Đồ uống và thuốc lá, may mặc giày dép, nhà ở và vật liệu xây dựng, thiết bị và đồ dùng gia đình; 3/11 nhóm hàng không biến động là thuốc và dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa giải trí; 4 nhóm còn lại giảm là hàng ăn và dịch vụ ăn uống, giao thông, bưu chính viễn thông, hàng hóa và dịch vụ khác.

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành so với tháng trước như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Giảm 0,27% trong đó lương thực tăng 0,15% với giá gạo tăng 0,18%, lương thực chế biến tăng 0,07%; thực phẩm giảm 0,63%, trong đó thịt lợn giảm 1,25%, thịt gia cầm giảm 0,19%, trứng giảm 2,18%, thủy sản tươi sống giảm 0,69%, thủy sản chế biến giảm 0,22%, rau các loại giảm 3,2%. Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,15%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,16% so với tháng trước, trong đó đồ uống không cồn tăng 0,44%, rượu tăng 0,06%, bia giảm 0,12%, thuốc lá không thay đổi.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,17%, trong đó vải tăng 0,03%, quần áo may sẵn tăng 0,09%, giày dép tăng 0,38%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Tăng 0,53% (là nhóm tăng cao nhất trong tháng); trong đó nhóm điện sinh hoạt tăng 0,88% do đã bắt đầu mùa nắng, nhu cầu tăng, gas giảm 3,16%, dịch vụ sửa chữa nhà tăng 0,5%.

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tăng 0,11%, trong đó đồ điện và đồ dùng nấu ăn tăng 0,24%, xà phòng chất tẩy rửa tăng 0,21%.

Nhóm giao thông: Giảm 0,02%, trong đó xăng giảm 0,38%, dịch vụ giao thông công cộng giảm 1,55% (vận tải hành khách đường sắt giảm 24,78%, các ngành đường khác không biến động).

Nhóm bưu chính viễn thông: Giảm 0,14% so với tháng trước chủ yếu do mặt hàng điện thoại các loại giảm 0,29%, các dịch vụ bưu chính và viễn thông không thay đổi.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác: Giảm 0,04%, trong đó đồ dùng cá nhân giảm 0,13%, dịch vụ vệ sinh môi trường giảm 0,4%.

So với tháng 3/2022 chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,94%, trong đó trừ nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,35% và nhóm giao thông giảm 4,58%, các nhóm còn lại đều tăng với nhóm giáo dục tăng cao nhất ở mức +15,28%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 3 so với tháng cùng kỳ năm trước		Chỉ số giá bình quân 3 tháng so với năm trước	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ số giá tiêu dùng	102,03	103,94	101,51	104,50
Trong đó: Lương thực	104,51	104,43	104,32	104,73
Thực phẩm	101,03	103,74	100,67	103,61
2. Chỉ số giá vàng	121,73	98,30	113,64	104,74
3. Chỉ số giá USD	99,93	103,05	99,89	102,73

Bình quân 3 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng **4,5%**, chỉ trừ nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,31% và nhóm giao thông giảm 1,27%; 9 nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,67%, đồ uống thuốc lá tăng 4,64%, nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,78%, văn hóa giải trí tăng 6,46% và giáo dục tăng 15,28%.

Chỉ số giá vàng tháng 3 năm 2023 giảm 0,83% so với tháng trước, giảm 0,4% so tháng 12 năm 2022 và giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 3 tháng năm 2023 tăng 4,74% so với năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3 năm 2023 tăng 0,54% so với tháng trước; giảm 1,57% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 3,05% so với cùng kỳ; bình quân 3 tháng năm 2023 tăng 2,73% so với cùng kỳ.

5. Chỉ số giá sản xuất

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2023 giảm 0,64% so với quý IV năm 2022 và tăng 0,68% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan giảm

1,54% và giảm 2,48%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan không có sự thay đổi; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 1,85% và tăng 8,99%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý I năm 2023 tăng 0,03% so với quý trước và tăng 3,56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 0,73% và tăng 0,82%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,03% và tăng 3,42%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,18% và tăng 0,99%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,05% và tăng 2,41%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý I năm 2023 tăng 3,05% so với quý trước và tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ số giá sản xuất dịch vụ của một số ngành như sau: Dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 8,19% và tăng 12,25%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 1,92% và tăng 6,76%; thông tin và truyền thông tăng 0,47% và tăng 2,94%; giáo dục và đào tạo giảm 0,87% và tăng 6,48%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,02% và tăng 0,45%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,56% và tăng 1,44%.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế (từ ngày 16/01/2023 đến ngày 15/3/2023)

– *Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH)*: Số ca mắc trong 03 tháng là 5.251 ca, tăng 76,1% (+2.270 ca) so với cùng kỳ, không có ca tử vong.

– *Tình hình bệnh Tay Chân Miệng (TCM)*: Số ca mắc trong 03 tháng là 585 ca (+549 ca) so với cùng kỳ, không có trường hợp tử vong.

– *Tình hình bệnh Covid-19*: Số ca mắc trong 03 tháng là 127 ca, giảm 99,8% (-70.159 ca) so với cùng kỳ.

Tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã tiêm, tính đến ngày 15/03/2023 là 23.602.670 liều. Trong đó: Tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 20.960.393 liều; tiêm cho trẻ từ 12 tuổi đến 18 tuổi là 1.759.029 liều; tiêm cho trẻ từ 05 tuổi đến 12 tuổi là 883.248 liều.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị:

Trong 03 tháng, ngành Y tế đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai các hoạt động trọng tâm liên quan đến công tác khám chữa bệnh năm 2023; chuẩn bị công tác tổ chức Hội nghị “Đánh giá hiệu quả và định hướng phát triển kỹ thuật y tế chuyên sâu tại Thành phố Hồ Chí Minh”, dự kiến tổ chức vào tháng 6 năm 2023; cử bác sỹ luân phiên tham gia hỗ trợ khám chữa bệnh ban đầu cho người dân tại xã Thạnh An, huyện Cần Giờ; thành lập lưới chăm sóc và điều trị ung thư để từng bước vẽ bản đồ chăm sóc, tầm soát và điều trị ung thư ở Thành phố.

2. Hoạt động giáo dục

Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố tập trung tổ chức Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố năm học 2022-2023 cho khối lớp 9 và lớp 12 và kỳ thi học sinh giỏi giáo dục thường xuyên

Tiếp tục triển khai các Đề án nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030; đề án Giáo dục thông minh và Học tập suốt đời giai đoạn 2021-2030; đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế 08 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông, cơ khí - tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, quản trị doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng, y tế, du lịch, quản lý đô thị), đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, công tác cải cách hành chính trong ngành giáo dục.

Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý giáo dục điện tử, phần mềm học trực tuyến, dạy học từ xa, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thống kê, dự báo; triển khai giảng dạy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Coding, Blockchain vào các trường trung học từ năm học 2022-2023. Xây dựng hệ thống khảo thí, kiểm tra đánh giá hiện đại, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; triển khai chương trình tự động hóa ứng dụng và STEM robot trong các trường trung học.

3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Trong quý I năm 2023, Thành phố tổ chức các hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người dân và thu hút khách du lịch. Trong đó, tổ chức Lễ hội Nguyên Tiêu từ ngày 02 đến ngày 05 tháng 02 năm 2023 (tức 12 - 15 tháng Giêng Âm lịch); chương trình nghệ thuật kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023) tại phía trước Nhà hát Thành phố với chủ đề “Tự hào Đảng quang vinh”; chương trình Đêm thơ Việt Nam – năm 2023 tại Công viên Văn Lang (Quận 5) với chủ đề “ Gieo vắn yêu thương - Sức sống ngày mới ”; lễ hội Việt - Nhật lần thứ 8, kỷ niệm 50 năm thiết lập Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973 - 2023); chương trình lễ hội cấp thành phố như Lễ hội Áo dài, chương trình kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2.

Thành phố phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài tham mưu việc cử đoàn nghệ thuật tham dự và biểu diễn tại các nước Pháp, Italia, Đức, Bỉ. Chương trình nghệ thuật với Chủ đề: “Mùa xuân trên thành phố trẻ” các tiết mục ca múa nhạc, xiếc... trẻ trung, sinh động, mang đậm nét văn hóa Việt Nam. Các nghệ sĩ trong Đoàn nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh biểu diễn phục vụ cho hơn 3.200 lượt bà con cộng đồng người Việt và các vị khách quốc tế tại Vương quốc Bỉ, Cộng hòa Pháp và 02 Thành phố Berlin, Frankfurt tại Cộng hòa Liên Bang Đức.

Thể thao quần chúng: Ban hành Kế hoạch tổ chức “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” năm 2023; chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025 và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023; tham mưu địa điểm và dự kiến các môn thể thao phục vụ cho 63 xã tại ngày hội Văn hóa, Thể thao trong chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023 của 05 huyện

ngoại thành; hỗ trợ công tác tổ chức Giải Marathon VN Express Ho Chi Minh Midnight, giải chạy HCM Marathon lần thứ IX – 2023.

Thể thao thành tích cao: Ban hành hướng dẫn xây dựng Kế hoạch tổ chức các giải thể thao cấp Thành phố, cấp quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh; cử các đội thể thao tập huấn, tham dự các giải quốc tế, thủ tục về tuyển, thuê chuyên gia người nước ngoài huấn luyện cho các đội thể thao Thành phố năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, đã tổ chức 16 giải thể thao cấp thành phố (tăng 114% so với cùng kỳ năm 2022); 04 giải thể thao cấp quốc gia; tham dự 31 giải quốc gia, 08 giải quốc tế, tăng 134% so với cùng kỳ.

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ 16/01/2023 đến 15/3/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông:

Trong quý I năm 2023, xảy ra 394 vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 23,5% so với cùng kỳ, làm chết 146 người, giảm 13,1%; bị thương 251 người, giảm 26,0%; xảy ra 01 vụ tai nạn đường sắt, làm 01 người chết. Không xảy ra vụ tai nạn đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ:

Trong quý I năm 2023, xảy ra 37 vụ cháy, giảm 21,3% so với cùng kỳ; không gây thiệt hại về người, 01 người bị thương; trị giá tài sản thiệt hại khoảng 30 triệu đồng (còn 28 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế:

Quý 1 năm 2023 đã phát hiện và xử lý 499 vụ, 402 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ; thu giữ tài sản trị giá trên 28 tỷ đồng; khởi tố 156 vụ, 91 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 241 quyết định, 185 đối tượng, 53 tổ chức với tổng số tiền phạt gần 7 tỷ đồng, hàng hóa thu giữ chủ yếu là thuốc lá ngoại, quần áo, đồ điện tử,....

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:

Trong quý 1 năm 2023, đã phát hiện, xử lý 641 vụ, 961 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 384 vụ, 546 bị can, xử lý hành chính 74 vụ, 411 đối tượng; thu giữ 7,746 kg Heroin; 22,54 gram Cocain; 17,1 gram Cần sa; 305,678 kg ma túy tổng hợp; 06 khẩu súng, 16 viên đạn và nhiều tang vật khác liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội:

Quý I năm 2023, ghi nhận 976 vụ, tăng 16,2% so với cùng kỳ; làm chết 12 người, bị thương 87 người, tài sản thiệt hại khoảng 14 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 623/976 vụ (đạt 63,8%) và bắt 1.174 đối tượng, triệt phá 07 băng nhóm tội phạm có tổ chức về hình sự.

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 26.427 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 03 tháng là 80.654/300.000 lượt người, đạt 26,9% kế hoạch năm.

Về tạo việc làm mới: Trong tháng có 11.812 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới trong 03 tháng là 36.575/140.000, đạt 26,1% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong quý I năm 2023 là 327 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

Trong quý I năm 2023, đã tiếp nhận 27.317 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 27.153 người lao động đủ điều kiện; tiếp nhận 145.542 người đăng ký tìm việc.

6. An sinh xã hội

Về số lượng người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tại Thành phố:

Tính đến ngày 28/02/2023, số lượng người lao động tham gia bảo hiểm xã hội là 2.531.176 người, chiếm 53,9 % lực lượng lao động trong độ tuổi; số lượng người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 2.451.400 người, chiếm 52,2% số lao động tham gia bảo hiểm.

Tính từ đầu năm đến nay thành phố đã mua bảo hiểm y tế cho các thành viên hộ nghèo, cận nghèo là 106.574 thẻ với số tiền là 85,6 tỷ đồng.

Công tác giảm nghèo bền vững:

Trong quý I năm 2023, Thành phố có 39.380 hộ nghèo, hộ cận nghèo, 155.760 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 1,55% trong tổng số hộ dân thành phố. Trong đó: 21.312 hộ nghèo, 83.105 nhân khẩu; 18.068 hộ cận nghèo, 72.655 nhân khẩu. Hộ nghèo chiếm 0,8% và hộ cận nghèo chiếm 0,71% trong tổng số hộ dân Thành phố.

Tổ chức hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi nhằm hỗ trợ, giải quyết việc làm, trợ giúp trực tiếp chăm lo hộ nghèo và thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Tính đến ngày 28/02/2023, nguồn vốn cho vay và hỗ trợ là 2.176,8 tỷ đồng; tăng 8,9 tỷ đồng so với đầu năm 2023; đã thực hiện giải ngân cho 925 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo, với số tiền 51,9 tỷ đồng; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm Thành phố là 4.735,2 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2022, đã giải ngân cho 39.287 lượt hộ vay để giải quyết việc làm cho 39.287 lao động, với số tiền 2.360,4 tỷ đồng.

Bảo trợ xã hội: Thành phố quản lý 15 cơ sở bảo trợ xã hội công lập, quản lý 6.139 đối tượng; 01 cơ sở giáo dục (trường Hermann Gmeiner) với 1.212 học sinh; 01 cơ sở đào tạo (Trung tâm Bảo trợ dạy nghề và tạo việc làm Thành phố) với 516 em; 58 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, nuôi dưỡng và chăm sóc 3.019 người. Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP số tiền gần 147,3 tỷ đồng cho 135.856 người.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: Phối hợp tổ chức các hoạt động chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Phối hợp kiểm tra, giám sát, tham vấn, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ, xử lý kịp thời về những vấn đề có liên quan đến trẻ em, đặc biệt là đảm bảo thực hiện tốt các quyền cơ bản của trẻ em. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn Quận 12.

Thực hiện chính sách với người có công: Thành phố có 37.403 người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng, kinh phí chi trả gần 63 tỷ đồng/tháng.

Khái quát lại kinh tế Thành phố trong quý I năm 2023 diễn ra giữa lúc kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu bị mất đà tăng trưởng do xung đột Nga – Ukraine kéo dài, không có dấu hiệu hạ nhiệt, thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng ... tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tình hình dịch bệnh tại Thành phố đã được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội tuy có khởi sắc nhưng phải đương đầu với những khó khăn nhiều hơn thuận lợi:

+ Số dự án có vốn nước ngoài được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư tăng cả về số lượng (+70%) và vốn đăng ký (+30%). Tính chung, tổng vốn đầu tư của các dự án có vốn nước ngoài tăng 22,4% so với cùng kỳ, chứng tỏ nhà đầu tư nước ngoài vẫn ưu tiên lựa chọn đầu tư vào Thành phố trong bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới đang bất ổn;

+ Tổng thu ngân sách nhà nước tuy giảm 1,5% so với cùng kỳ nhưng thu nội địa vẫn có mức tăng 1,8%;

+ Hoạt động tín dụng, ngân hàng duy trì và tăng trưởng ổn định, đóng góp một phần cho tăng thu ngân sách nhà nước;

+ Lạm phát có dấu hiệu đã qua đỉnh;

+ Những ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh có khả năng chuyển đổi số kịp thời, phù hợp với trạng thái “bình thường mới” vẫn giữ nhịp tăng trưởng ổn định như: Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; dịch vụ hoạt động chuyên môn KHCN; giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, sức khỏe của nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào khả năng chịu đựng chi phí và quay vòng vốn của doanh nghiệp khi chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài.

Để Thành phố giữ vững vai trò đầu tàu tăng trưởng kinh tế của khu vực phía Nam và cả nước, cần tập trung giải quyết tốt các nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai; giải quyết các xung đột pháp lý về thủ tục giao đất, xác định đơn giá đền bù, thủ tục thanh quyết toán xây dựng cơ bản để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Trước mắt, ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt chú trọng giải ngân các dự án trọng điểm mang tính kết nối vùng: Dự án Metro số 1, Metro số 2, Vành đai 3, nhà ga T3, cao tốc HCM – Mộc Bài.

Hai là, tiếp tục triển khai hiệu quả các gói hỗ trợ của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Thành phố đồng hành, tháo gỡ khó khăn về nguồn lực vốn cho doanh nghiệp. Chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đẩy nhanh việc hình thành Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh để thu hút nguồn lực bên ngoài đầu tư vào Thành phố.

Ba là, nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động - việc làm, chất lượng đào tạo nghề nhằm cải thiện năng suất lao động; chú trọng thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực ngành y tế, giáo dục, du lịch (vốn bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch).

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong tất cả các hoạt động hành chính của cơ quan Nhà nước, nhất là những nơi thực hiện dịch vụ hành chính công - xem đây là nhiệm vụ cấp bách trong xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân, từ đó thay đổi tư duy quản lý, phương pháp quản trị điều hành trong toàn xã hội. Tranh thủ thời cơ đẩy nhanh việc số hoá dữ liệu ở tất cả cơ quan, nhất là dữ liệu dân cư, dữ liệu doanh nghiệp. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, tài chính, giáo dục, y tế.

Năm là, tăng cường công tác dự báo, kiểm tra và bình ổn giá cả; xây dựng các giải pháp nhằm ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường, đặc biệt xu hướng xuất, nhập khẩu tại các thị trường lớn của Thành phố; giữ vững ổn định thị trường tài chính, thị trường bất động sản.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 3 và quý I năm 2023.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng